

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-PT

Ngày 14-11-2022

V/v tranh chấp về chia tài sản chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Vũ Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Khương; địa chỉ: Số 7 ngõ 160, đường 208, thôn An Dương, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hòa; địa chỉ: Số 3 đường A2, khu dân cư An Trang, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hòa là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời khai của nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Hòa kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 1990, do cuộc sống mâu thuẫn nên năm 2012 ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung là diện tích 96,75 m² và nhà ở 1,5 tầng trên tại số 7, ngõ 160, đường 208, thuộc lô số 20, tờ bản đồ số 5 thôn An Dương, xã An Đông, huyện An Dương. Nguồn gốc tài sản này là do vợ chồng mua của bà Nguyễn Thị Cúc vào năm 2005, đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận mà chỉ có giấy tờ về đất của bà Nguyễn Thị Cúc giao cho. Sau khi ly hôn bà Hòa không ở trên bất động sản này mà chuyển về sinh sống tại thôn An Trang, xã An Đông, huyện An Dương với chồng hiện tại. Còn ông tiếp tục sinh sống trên bất động sản này cho đến nay. Khi còn là vợ chồng, ông Khương là công nhân viên nên việc làm ổn định, bà Hòa làm tự do nên không có việc làm ổn định. Nguồn tiền để mua tài sản là do vợ chồng bán tài sản là nhà đất ở quê được 150.000.000 đồng cộng với tiền để dành được. Sau khi ly hôn ông Khương là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Hoàng mà không yêu cầu chị Hòa cấp dưỡng; ông cũng trực tiếp quản lý, bảo vệ, duy trì, đầu tư cải tạo, sửa chữa làm tăng giá trị tài sản chung nên công sức đóng góp của ông vào khối tài sản chung là lớn hơn rất nhiều so với bà Hòa. Nay không tự giải quyết được, ông Khương đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung giao cho ông sử dụng bất động sản để có nơi ở, thờ cúng con và bố mẹ ông; ông thanh toán 1/2 phần giá trị chênh lệch cho bà Hòa. Thừa đất hiện nay không có tranh chấp với ai khác.

Về nguồn gốc Thừa đất và quá trình chuyển nhượng: Do bà Cúc là công nhân của Công ty Giấy vãi Thống Nhất nên được Công ty cấp cho diện tích đất 96,75m² thuộc lô số 20, tờ bản đồ số 5 để ở. Sau này bà Cúc có chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Dinh ông Nguyễn Văn Hức; bà Dinh ông Hức chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Phùng Thị Lan ông Nguyễn Văn Khoa. Ngày 11/12/2004 bà Lan ông Khoa chuyển nhượng cho ông Khương bà Hòa diện tích nêu trên. Tuy nhiên việc chuyển nhượng giữa các bên chưa được công chứng, chứng thực nên về mặt giấy tờ bà Cúc vẫn đứng tên chủ sử dụng thừa đất. Để thuận tiện trong việc làm giấy tờ chuyển nhượng sau này nên vợ chồng ông làm thủ tục chuyển nhượng với bà Cúc, còn thực tế thì có làm thêm cam kết và giao tiền cho bà Lan ông Khoa.

Về hiện trạng Thừa đất: Tại sơ đồ trong Biên bản giao đất thể hiện phía Bắc giáp hộ bà Liên, phía Nam giáp hộ bà Xuân, phía Đông giáp đường xóm, phía Tây giáp đất tập thể và có trích đo quy hoạch rãnh thoát nước. Sơ đồ thừa đất của những gia đình được Công ty cấp đất đều có trích đo quy hoạch rãnh thoát nước chiều sâu 01m, chiều rộng hết thừa đất. Đến nay rãnh thoát nước

chưa có trên thực tế nhưng các hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều bị trừ đi diện tích rãnh nước này. Năm 2020 Nhà nước mở rộng đường Nam cầu Bính lấy gần hết phần đất của bà Xoa, còn để lại phần hình tam giác có diện tích khoảng 3m² giáp rãnh thoát nước. Do diện tích nhỏ, bà Xoa không sử dụng nên ông sử dụng để làm lối ra mặt đường to để thuận tiện làm ăn. Thửa đất của ông bà chỉ có một mặt đường duy nhất nằm ở phía Đông.

Lời khai của bị đơn trình bày:

Thông nhất với trình bày của ông Khương về thời điểm kết hôn, ly hôn, tài sản chung và phân tài sản ông Khương xây thêm sau khi ly hôn như ông Khương trình bày. Ngoài việc hai bên yêu cầu chia, thửa đất không có tranh chấp với ai.

Tuy nhiên hiện trạng thửa đất hiện nay có phía Nam giáp đường mới Nam cầu Bính chứ không giáp rãnh thoát nước, không giáp đất bà Xoa như trình bày của ông Khương. Về nguồn tiền để hình thành lên khối tài sản trên ngoài số tiền 150.000.000 đồng như ông Khương trình bày số còn thiếu 90.000.000 đồng do bà Hòa tích lũy, vay mượn người thân và các con đi phụ giúp bán hàng mà có để mua chứ ông Khương không có đóng góp gì đáng kể. Ông Khương còn nợ bà 60.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà Hòa đề nghị được chia nhận sử dụng hiện vật để có nơi thờ cúng con trai, thanh toán trị giá chênh lệch theo giá định giá cho ông Khương theo tỷ lệ bà được hưởng 70%, ông Khương được hưởng 30%. Địa chỉ hiện nay bà Hòa đang ở là ở nhờ nhà mẹ chồng chứ không có nơi ở riêng.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn.

Chia, giao cho ông Nguyễn Minh Khương quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất có diện tích 94,3m² tại lô đất số 20, tờ bản đồ số 5 xã An Đồng, huyện An Dương nay được thể hiện tại thửa đất số 130A tờ bản đồ số 18 xã An Đồng huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có tứ cận phía Bắc giáp hộ bà Liên, phía Nam giáp hộ bà Xuân, phía Đông giáp đường xóm, phía Tây giáp rãnh thoát nước (có các mốc 3,4,6,7,3 trên sơ đồ kèm theo bản án). Ông Nguyễn Minh Khương phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hòa số tiền 1.435.053.230 đồng. (Có sơ đồ kèm theo bản án.)

Các bên có trách nhiệm đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/9/2022, bà Nguyễn Thị Hòa kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm:

1. Cho bà Hoà được nhận tài sản bằng hiện vật, bà Hoà có nghĩa vụ thanh toán cho ông Khương 50% giá trị chênh lệch.

2. Xác định lại diện tích đất mà bà và ông Khương đang tranh chấp là 101,25m².

3. Xác định lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị trường theo lối đi mới là 110.000.000đ/m².

Lý do kháng cáo:

1. Bà Hoà đang cần chỗ ở và địa điểm kinh doanh để mưu sinh nên có nguyện vọng về căn nhà cũ để ở và kinh doanh. Ông Khương không có thu nhập, không đóng góp tài chính cho gia đình. Nên cấp sơ thẩm giao cho ông Khương toàn quyền quản lý và sử dụng tài sản là không đúng pháp luật.

2. Tất cả các hộ đều được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chiều dài 22,5m; chiều rộng 4,5m. Tổng diện tích được 101,25m², cấp sơ thẩm xác định ông bà được sử dụng 91,4m² làm ảnh hưởng đến quyền là lợi ích hợp pháp của họ.

3. Theo biên bản định giá tài sản ngày 19/7/2022 về giá trị quyền sử dụng đất đang có tranh chấp, theo giá trị trường: lối cũ 30.000.000đ/m²; lối mới 110.000.000đ/m². Cấp sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất 30.000.000đ/m² làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, giao cho bị đơn được sử dụng nhà và đất, bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền cho nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 BLTTDS năm 2015 về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo. Vì vậy, Tòa án thành phố Hải Phòng đã thụ lý để xét xử phúc thẩm.

Xét về nguồn gốc tài sản tranh chấp và xác định diện tích; giá trị tài sản chung: diện tích đất trên thuộc Công ty Giấy vãi Thống Nhất, bà Cúc là công nhân của Công ty nên được cấp cho diện tích đất 96,75m² thuộc lô số 20, tờ bản đồ số 5 để ở. Sau này bà Cúc có chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Dinh ông Hức; bà Dinh ông Hức chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Lan ông Khoa. Ngày 11/12/2004 bà Lan ông Khoa chuyển nhượng cho ông Khương bà Hòa diện tích nêu trên, nhưng việc chuyển nhượng giữa các bên chưa được công chứng, chứng thực nên về mặt giấy tờ bà Cúc vẫn đứng tên chủ sử dụng thửa đất. Để thuận tiện trong việc làm giấy tờ chuyển nhượng sau này nên vợ chồng ông làm thủ tục chuyển nhượng trực tiếp với bà Cúc, còn thực tế thì có làm thêm cam kết và giao tiền cho bà Lan ông Khoa.

Kết quả đo vẽ, diện tích đất hiện nay là 94,3m². Sơ đồ thửa đất của những gia đình được Công ty cấp đất đều có trích đo quy hoạch rãnh thoát nước chiều sâu 1m rộng 4,6m... các hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đều bị trừ đi diện tích 4,6m² rãnh nước này. Về giáp ranh hiện tại: Năm 2020 Nhà nước mở rộng đường Nam Cầu Bính đã lấy gần hết phần đất của bà Xoa, còn để lại phần đất hình tam giác có diện tích khoảng 3m² giáp rãnh thoát nước. Do vậy phía Tây thửa đất giáp rãnh thoát nước chứ không phải giáp phần đất còn lại của bà Xoa; các giáp ranh khác không thay đổi. Tại phiên tòa, bà Hòa cũng khẳng định không có gia đình nào được giao quyền sử dụng phần đất là rãnh thoát nước đấy.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định thửa đất và tài sản trên đất nêu trên là thuộc sở hữu chung của ông Khương và bà Hòa sau ly hôn, không có tranh chấp với ai, có diện tích thực tế là 94,3m² cần xác định theo kết quả định giá là 30.000.000 đồng/m² = 2.829.000.000 đồng; trên đất có các công trình trị giá 41.106.460 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 2.870.106.460 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: các bên đều cho rằng công sức đóng góp của mỗi người vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung là cao hơn bên kia nhưng đều không đưa ra được bằng chứng để chứng minh; Sau khi ly hôn năm 2012 đến nay ông Khương vẫn quản lý, sử dụng thửa đất trên; làm công việc sửa chữa điện tử tại nhà và là nơi thờ cúng bố mẹ và con trai, ông không có nơi ở nào khác ông Khương. Do vậy, giao cho ông Khương quản lý, sử dụng tài sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Hòa số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tổng trị giá tài sản chung là: $2.870.106.460 \text{ đồng} / 2 = 1.435.053.230 \text{ đồng}$ là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định khối tài sản và phân chia nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, do vậy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hòa là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hòa như phân tích nêu trên; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hòa:

[1] Về diện tích đất tranh chấp:

[1.1] Ông Khương và bà Hoà thống nhất diện tích đất tại số 7, ngõ 160, đường 208, thuộc lô số 20, tờ bản đồ số 5 thôn An Dương, xã An Đông, huyện An Dương có nguồn gốc là của bà Phạm Thị Cúc. Sau đó bà Cúc chuyển nhượng cho vợ chồng bà Dinh ông Hức; bà Dinh ông Hức chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Lan ông Khoa. Ngày 11/12/2004 bà Lan ông Khoa chuyển nhượng cho ông Khương bà Hoà. Tất cả đều chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là sự việc đã được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét thấy, theo biên bản giao đất cho công nhân làm nhà ở của Nhà máy giấy vải Thống nhất kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-UB ngày 12/12/1990 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho xí nghiệp giấy dếp số 2 tại xã An Đông, huyện An Hải đã triển khai giao 96,75m² đất thuộc lô số 20, tờ bản đồ số 5, đất hạng 4 cho bà Phạm Thị Cúc có sơ đồ thửa đất, chiều dài 21,5m, chiều rộng 4,5m. Có 01m thoát nước chung.

[1.3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm thể hiện hiện trạng thửa đất có chiều dài 20,5m; chiều rộng 4,5m. Có một rãnh thoát nước. Tổng diện tích đất là 94,3m². Bà Hoà cũng thừa nhận có 01m chiều rộng ống thoát nước chung ở sau nhà.

[1.4] Theo tài liệu xác minh thì toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Hoà cho rằng tất cả các hộ đều được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chiều dài 22,5m; chiều rộng 4,5m là không có căn cứ.

[1.5] Bà Hoà cũng thừa nhận năm 2004, ông bà mua 96,75m² đất của ông Mạc Duy Khoa và bà Phùng Thị Lan có chiều dài 21,5m; chiều rộng 4,5m. Lời khai của bà Hoà phù hợp với biên bản bàn giao đất của Nhà máy giấy vải Thống

nhất đối với bà Cúc. Thực tế đo đạc lại diện tích đang tranh chấp là 94,3m² và 01m chiều rộng ống thoát nước chung ở sau nhà chưa được nhà nước công nhận là quyền sử dụng đất riêng của ông bà. Do vậy, bà Hoà kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định lại diện tích đất mà bà và ông Khương đang tranh chấp là 101,25m² không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về giá trị quyền sử dụng đất: Ông Khương và bà Hoà ly hôn từ năm 2012. Đến năm 2020 mới mở đường phía sau. Hiện trạng sử dụng đất thấy phía sau nhà vẫn tồn tại 01m chiều rộng rãnh thoát nước chung và phần tiếp giáp rãnh thoát nước là diện tích đất 3m² theo lời khai của ông Khương: “Năm 2020 Nhà nước mở rộng đường Nam cầu Bính lấy gần hết phần đất của bà Xoa, còn để lại phần hình tam giác có diện tích khoảng 3m² giáp rãnh thoát nước. Do diện tích nhỏ, bà Xoa không sử dụng nên ông sử dụng để làm lối ra mặt đường to để thuận tiện làm ăn. Thửa đất của ông bà chỉ có một mặt đường duy nhất nằm ở phía Đông”. Bà Hoà cho rằng diện tích trên là của bà và ông Khương, không có mua bán. Tuy nhiên, diện tích đất thực tế của ông bà đang sử dụng là 94,3m² (không có rãnh thoát nước, không có diện tích 3m²). Năm 2020, nhà nước mở đường, mới thu hồi đất của bà Xoa. Hiện nay phần diện tích đất này chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông Khương, bà Hoà. Ông bà không có tài liệu chứng minh nên không đủ căn cứ xác định diện tích đất 3m² (giáp lối đi mới theo hướng đi Cầu Bính và ngã tư Cơ Điện) là tài sản chung của ông bà. Ông bà đã ly hôn từ năm 2012, do đó thửa đất được xác định là tài sản chung của ông bà chung sống trong thời kỳ hôn nhân là hiện trạng thực tế, giới hạn là giáp ranh với rãnh thoát nước. Như vậy, thửa đất của ông bà chỉ có một mặt đường duy nhất nằm ở phía Đông (lối đi cũ) như lời khai của ông Khương là có căn cứ nên bà Hoà kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường của lối đi mới không được chấp nhận.

[3] Về việc phân chia tài sản:

[3.1] Tại Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Hải Phòng quy định hạn mức tối thiểu được tách thửa tại khu vực thửa đất đang giải quyết là 50m² nên thửa đất đang tranh chấp có diện tích 94,3m² không đủ điều kiện tách thửa. Diện tích đất trên không nằm trong quy hoạch, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng chỉ được cấp diện tích sau khi trừ đi diện tích rãnh nước như Ủy ban nhân dân xã An Đồng cung cấp là có căn cứ.

[3.2] Bà Hoà kháng cáo, yêu cầu giao cho bà được sử dụng toàn bộ nhà và đất đang tranh chấp và có nghĩa vụ thanh toán cho ông Khương ½ giá trị tài sản với lý do bà không có nhà ở. Tuy nhiên, xét thấy từ khi ông bà ly hôn đến nay, ông Khương là người quản lý và sử dụng tài sản, có công quản lý khôi phục tài sản

chung của hai người. Bà Hoà đã kết hôn và sinh sống cùng chồng, con ở địa chỉ số 3 đường A2, khu dân cư An Trang, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng. Đây là nơi ở duy nhất của ông Khương nên cấp sơ thẩm quyết định giao cho ông Khương được quản lý, sử dụng tài sản và ông Khương có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà Hoà là có căn cứ. Xét thấy, ông Khương được hưởng lợi thế về quyền sử dụng đất nhưng ông Khương có công quản lý, bảo quản tài sản nên cấp sơ thẩm quyết định mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản là phù hợp nên cần giữ nguyên nội dung này của cấp sơ thẩm., không chấp nhận kháng cáo của bà Hoà.

[4] Từ những nhận định trên, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hòa. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Khương và bà Nguyễn Thị Hòa phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hòa phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm do toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Hòa không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào **Điều 26, Điều 27, Điều 29** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hòa.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Minh Khương được quyền quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất có diện tích 94,3m² tại lô đất số 20, tờ bản đồ số 5 xã An

Đồng, huyện An Dương nay được thể hiện tại thửa đất số 130A tờ bản đồ số 18 xã An Đồng huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc 3,4,6,7,3 (trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm) trị giá 2.870.106.460 (hai tỉ tám trăm bảy mươi triệu một trăm linh sáu nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng.

Ông Nguyễn Minh Khương có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hòa 1.435.053.230 (một tỉ bốn trăm ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm ba mươi) đồng.

Các bên có trách nhiệm yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Khương phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 55.052.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo biên lai số 0002345 ngày 20/01/2022; ông Nguyễn Minh Khương còn phải nộp số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 49.802.000 (bốn mươi chín triệu tám trăm linh hai nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Hòa phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 55.052.000 (năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hòa phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004270 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Bà Nguyễn Thị Hòa đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

Trần Thị Vân Thúy Bùi Thị Thúy Hà

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lưu Văn Tình Vũ Thị Thu Hà

Đặng Hồ Điệp

